

Tập 194

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm chín mươi lăm:

(Sao) Linh minh đồng triệt, quang tuyệt nhai sĩ, trạm tịch thường hằng, thọ hà trừ toán? Thường hằng nhi phục đồng triệt, cố tức thọ nhi quang, đồng triệt nhi diệt thường hằng, cố tức quang nhi thọ. Như thị, tặc A Di Đà Phật, tuy quá thập vạn ức sát chi ngoại, nhi thật u thử Sa Bà thế giới chúng sanh tâm trung, kết già phu tọa, nghiêm nhiên bất động.

(鈔)靈明洞徹，光絕涯涘，湛寂常恆，壽何籌算，常恆而復洞徹，故即壽而光，洞徹而亦常恆，故即光而壽。如是，則阿彌陀佛，雖過十萬億刹之外，而實於此娑婆世界眾生心中，結跏趺坐，儼然不動。

(Sao: Linh giác sáng suốt, thấu triệt rỗng rang, sáng ngời chẳng có ngăn mé. Trong trời, tĩnh lặng, thường hằng, làm sao có thể tính toán thọ lượng cho được? Thường hằng mà lại rỗng rang thấu triệt, nên thọ chính là quang. Rỗng rang thấu triệt mà cũng thường hằng, nên quang chính là thọ. Như vậy thì tuy A Di Đà Phật ở ngoài mười ức cõi, mà thật sự ở trong tâm của chúng sanh, Ngài ngồi kết già, nghiêm nhiên, bất động).

Trong đoạn này, Liên Trì đại sư bổ sung những ý chưa được nói hết trong đoạn trước. Ba câu đầu trong đoạn này nói về tác dụng to lớn của Tánh Đức, cũng chính là “xưng tánh khởi dụng” như kinh điển Đại Thừa thường nói. Trong tu học, điều này được gọi là “xưng tánh khởi tu, toàn tu tức tánh”. mấy câu ở đây đều nhằm nêu rõ ý nghĩa này. Nay chúng ta mê thì chính là mê mất những điều này, chư Phật, Bồ Tát ngộ chính là ngộ những chuyện này.

Bản tánh cũng là chân tâm, vốn là “linh minh đồng triệt” (linh giác sáng suốt, thấu triệt rỗng rang), nên nó là Tánh Đức, chẳng phải là Tu Đức. Chính là như Lục Tổ đã nói: “Nào ngờ tự tánh, vốn trọn đủ”. Nó vốn là như vậy. “Linh” (靈) nghĩa là chẳng mê muội, Minh là hiểu rõ. Đức dụng của bản tánh là đối với hết thảy sự vật trong vũ trụ, không gì chẳng hiểu rõ. Không chỉ hiểu rõ, lại còn thấu triệt rỗng rang, chẳng phải chỉ là hiểu rõ nơi hình tướng. Chúng ta thường nói là “hiểu rõ lẽ đương nhiên, nhưng chẳng biết rõ nguyên do”. “Đồng triệt” (洞徹) là đối với căn nguyên, hiện

tượng, biến hóa, quy túc, chẳng có gì không hiểu rõ đến lý tốt cùng. Câu này chính là câu khen ngợi “*Thượng Đế toàn tri toàn năng*” của các tín đồ tôn giáo. Bốn chữ [toàn tri toàn năng] ấy có nghĩa là “không gì chẳng biết, không gì chẳng thể”. Nói thật ra, Thượng Đế trọn chẳng phải là toàn năng, mà cũng chẳng phải là toàn tri. Ông ta cũng là phàm phu, cũng mê hoặc, điên đảo giống như chúng ta. Có thể là có chỗ nào đó ông ta mê nhẹ hơn chúng ta đôi chút, chúng ta mê nặng hơn ông ta. Vì lẽ đó, ông ta tỏ lộ đáng vẻ rất có trí huệ, nhưng hoàn toàn chẳng phải là toàn tri toàn năng. Thật sự có toàn tri toàn năng, đức Phật nói mỗi cá nhân chúng ta đều trọn đủ [toàn tri toàn năng], chẳng có tí ti hiếm hoi, lạ lùng gì, đó là năng lực sẵn có của chính mình. Nay bảo chúng ta là mê, nói thật ra là mê mất bản năng của chính mình; kinh bảo là “*kẻ đáng thương xót*”, rất đáng thương! Mê mất, chẳng biết chính mình có trí huệ và đức năng viên mãn như vậy. “*Quang tuyệt nhai sĩ*” (Quang minh chẳng có ngần mé), “*nhai sĩ*” (涯涘) là bờ mé. Trí huệ và đức năng chẳng có ngần mé, đúng là toàn tri toàn năng.

“*Trạm tịch thường hằng*”: Trong phần trước đã nói là đức dụng của năng lực sẵn có, còn “*trạm tịch thường hằng*” là nói về thể tánh. Câu này vô cùng quan trọng. Nếu chẳng có câu này, đức năng trong phần trước sẽ chẳng thể hiển lộ. “*Trạm*” (湛) là giống như nước hết sức thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần. Dầu nước sâu đến mấy, từ trên mặt nước có thể nhìn thấy đáy nước, thấy rõ ràng, rành rề. Chữ này nhằm hình dung sự sạch sẽ, chẳng bị nhiễm ô. “*Tịch*” (寂) là tịch tĩnh, chẳng dao động, tỷ dụ chân tâm của chúng ta. Tâm giống như nước; vì thế, tâm chớ nên động, hễ động sẽ chẳng tĩnh. Tâm chớ nên nhiễm ô, hễ nhiễm ô sẽ mất tánh chất “*trạm*” (trong trẻo). “*Trạm*” là chẳng nhiễm. “*Tịch*” là bất động. Bí quyết tu hành ở ngay nơi đây. “*Thường hằng*” là công phu. Nơi phàm phu, Trạm và Tịch có thể tồn tại trong một khoảng thời gian ngắn ngủi, nhưng chẳng thể giữ được một thời gian dài. Dầu là thời gian rất ngắn ngủi, tạm bợ, cũng phải huân luyện. Chẳng trải qua sự huân luyện, dầu trong một thời gian ngắn ngủi nhất, cũng chẳng thể xuất hiện.

Trong chú giải Liễu Phàm Tứ Huấn có nói về chuyện vẽ bùa: Trong sát-na vẽ bùa ấy, trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó, tâm người vẽ một niệm chẳng sanh, cũng là có công phu trạm tịch, đạo bùa chú do người ấy vẽ bèn thiêng. Vẽ bùa thì phải vẽ theo cách như vậy. Niệm chú cũng phải niệm theo cách đó. Có người niệm chú rất linh, có người niệm chú chẳng linh, do nguyên nhân gì vậy? Bất luận chú dài hay ngắn, hễ đã niệm chú thì trong tâm chẳng khởi một tạp niệm, dùng cái tâm trạm tịch để niệm bài

chú ấy, chú ấy sẽ linh. Vì thế, chú càng dài càng khó linh nghiệm, vì sao? Có thể dấy lên vọng tưởng. Chú càng ngắn càng dễ linh, [vì] trong thời gian rất ngắn có thể giữ cho chính mình chẳng sanh một niệm. Nói thật ra, câu A Di Đà Phật là thần chú vô thượng, là thần chú ngắn nhất. Kinh dạy chúng ta phải nhất tâm xưng niệm, nhất tâm là trạm tịch, trạm tịch là nhất tâm. Trong tâm chẳng có nhiễm ô, chẳng có tạp niệm, chẳng có dao động, đó là nhất tâm. Trong tâm dấy động vọng niệm, khởi lên ý niệm, tâm ấy chẳng phải là chân tâm. Vì thế, một niệm tương ứng một niệm Phật, người ấy có cảm ứng. Chúng ta niệm câu Phật hiệu, trong Phật hiệu xen tạp vọng tưởng, khi niệm Phật vẫn bị ngoại cảnh lay động, đó là chẳng tương ứng. Không tương ứng, dầu niệm nhiều đến mấy, vẫn chẳng có tác dụng! Giống như Hàn Sơn, Thập Đắc đã nói: “*Niệm toạc cổ họng, cũng uống công!*” Tức là mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, rách toạc cổ họng cũng uống công, nguyên nhân ở chỗ nào? “Chẳng có một niệm” chính là vận dụng công phu trạm tịch. Dùng trạm tịch thì mới có cảm ứng, mới có hiệu quả.

Đạt đến trạm tịch thường hằng, có hai chữ “*thường hằng*” sẽ là nhất tâm bất loạn. Mức độ thấp nhất cũng là Sự nhất tâm bất loạn. Nói thật ra, Sự nhất tâm bất loạn là đã đắc Niệm Phật tam-muội. Nói thật thà, trong cảnh giới ấy, thọ mạng chẳng có! Do đâu mà có thọ mạng? Từ phân biệt, chấp trước mà có. Vì chấp trước “có quá khứ, hiện tại, vị lai”, nên mới có thọ mạng. Thọ mạng là thời gian, khi tâm đã định, giới hạn ấy chẳng có, chẳng chấp trước ba đời quá khứ, hiện tại, tương lai, nên chẳng có thọ mạng, bất sanh, bất diệt. Đắc Niệm Phật tam-muội thì nói trường thọ hay đoan thọ đều chẳng có ý nghĩa, đó là đối với chúng sanh mà nói phương tiện, chẳng phải là lời chân thật. Trong chân thật ngữ, chẳng có khái niệm thọ mạng. Nay phương tiện để nói với hết thảy chúng sanh nên nói “vô lượng thọ”. “*Thọ hà trù toán?*” (Làm thế nào để tính toán thọ lượng cho được?), chẳng có cách nào tính toán thọ mạng! Người ấy đã chẳng khởi tâm, không động niệm, còn tính toán gì nữa? Chỉ có khởi tâm động niệm thì mới có thể tính toán.

Do vậy có thể biết: “*Trạm tịch thường hằng*” là Thễ, là Định, là nhất tâm bất loạn. “*Linh minh đồng triệt*” là khởi tác dụng, là không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Thễ và Dụng có thể dung thông lẫn nhau. “*Linh minh đồng triệt*” là Thễ, “*trạm tịch thường hằng*” là Dụng, [hoặc nói] “*trạm tịch thường hằng*” là Thễ, “*linh minh đồng triệt*” là Dụng, có thể dung lẫn cho nhau. Đây là Định Huệ cân bằng, Định là Thễ, Huệ là Dụng, [hoặc nói] Huệ là Thễ, Định là Dụng, có thể dung lẫn cho nhau. Do

vậy, Định và Huệ chuyển sâu hơn, Định cũng ngày càng sâu hơn, Huệ cũng ngày càng rộng hơn.

“*Thường hằng nhi phục đồng triệt, cố tức thọ nhi quang*” (Thường hằng mà lại rộng rang, thấu triệt, nên thọ chính là quang), vô lượng thọ và vô lượng quang cũng là một chuyện, vô lượng thọ là vô lượng quang, vì sao? Định là Huệ, thường hằng là Định, đồng triệt là Huệ. “*Đồng triệt nhi diệc thường hằng, cố tức quang nhi thọ*” (Rộng rang thấu suốt mà cũng thường hằng, nên quang chính là thọ). Quang là thọ, thọ là quang, là một, không hai, đây là sự thật. Quan sát từ sự thật này, thọ mạng của A Di Đà Phật đúng là vô lượng. Chẳng phải là vô lượng hữu hạn, mà là vô lượng trong vô lượng. Nó là Tánh Đức của bản thể, há có hạn lượng?

“*Như thị, tác A Di Đà Phật, tuy quá thập vạn ức sát chi ngoại*” (Như thế thì A Di Đà Phật tuy ở ngoài mười vạn ức cõi), phạm phu luôn chấp tướng, nhìn theo sự tướng, [bèn thấy] Tây Phương Cực Lạc thế giới cách thế giới này ngoài mười vạn ức cõi Phật. Một Phật sát rốt cuộc to cỡ nào? Trước đây, chúng ta thường nghĩ một hệ Ngân Hà là một đại thiên thể giới; đó là một Phật sát. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói “một hệ Ngân Hà là một đơn vị thế giới, tức là một tiểu thế giới”, chẳng thể nghĩ bàn! Chỉ sợ khoa học hiện thời vẫn chưa phát hiện đại thiên thể giới. Điều này nói rõ từ thế giới Sa Bà đến thế giới Cực Lạc, nói theo hình tích, dấu vết thì khoảng cách khá xa, khoảng cách rất lớn. Tuy khoảng cách to như thế, chư vị phải hiểu [những cõi Phật ấy] đều ở trong nhất tâm của chúng ta, chẳng phải là ở bên ngoài. Khoảng cách dẫu lớn đến mấy đều chẳng lìa khỏi nhất tâm của chúng ta. Giống như ban đêm chúng ta nằm mộng, mộng thấy ngôi phi cơ bay sang ngoại quốc, bất luận bay tới đâu đi nữa, [thân người nằm mộng] đều chẳng rời khỏi cái giường! Hư không dẫu to cách mấy, chẳng thể lìa khỏi cái tâm nằm mộng, thấy đều do tâm biến. Cùng một đạo lý giống như vậy, tận hư không khắp pháp giới, vô lượng vô biên cõi nước của chư Phật, thấy đều do nhất tâm hiện ra. Vì thế, nếu tâm quý vị thanh tịnh, bất động, xác thực là linh minh đồng triệt, tận hư không khắp pháp giới, chẳng có gì quý vị không biết, thứ nào cũng đều rõ ràng!

Từ thế giới Sa Bà đến thế giới Cực Lạc, quý vị động một niệm muốn tới liền tới. Khoảng cách dẫu xa đến mấy, một niệm bèn đến. Vì sao? Khi trong tâm thanh tịnh chẳng có phân biệt, chấp trước, thừa cùng chư vị, chẳng có khoảng cách, không gian và thời gian đều chẳng có, đều là giả. Thời gian là quá khứ, hiện tại, vị lai, [xét theo không gian thì] không có bốn phương chính, bốn phương bàng, và trên dưới. Trong kinh luận Duy

Thức, đức Phật nói những thứ ấy chẳng phải là thật. “*Phương phần*” (方分) là không gian, “*thời phần*” (時分) là thời gian, quy nạp lại, chúng (thời gian và không gian) sẽ thuộc vào hai mươi bốn món Bất Tương Ứng, chúng thuộc về Bất Tương Ứng Hành Pháp. Chúng chẳng phải là tâm pháp, chẳng tương ứng với tâm pháp, mà cũng chẳng phải là sắc pháp, cũng chẳng tương ứng với sắc pháp. Thấy đều chẳng tương ứng với tâm, tâm sở và sắc pháp. Nói theo cách hiện thời, chúng thuộc về khái niệm trừu tượng, chẳng phải là sự thật. Khi quý vị mê, trong tâm có phân biệt, chấp trước, [sẽ thấy] xác thực là có những chuyện như ba đời và mười phương. Nếu tâm địa thanh tịnh, lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, quyết định chẳng có những thứ ấy! Tâm, tâm sở pháp, sắc pháp là Y Tha Khởi Tánh, do các thứ duyên thành tựu, từ trong khá nhiều điều kiện mà sanh ra các pháp ấy. Còn Bất Tương Ứng Hành Pháp chẳng có, thuần túy thuộc về khái niệm trừu tượng. Nói theo Phật pháp, [Bất Tương Ứng Hành Pháp] là mê, là cảm nhận sai lầm, nảy sanh từ cảm nhận sai lầm.

Nếu quý vị hiểu rõ chân tướng sự thật này, sẽ biết vì sao tận hư không khắp pháp giới trong một niệm bèn đến nơi. Nay chúng ta dùng tốc độ ánh sáng để nói, tốc độ của ánh sáng rất nhanh, một giây đi được ba mươi vạn cây số. Dùng tốc độ ánh sáng để từ thế giới Sa Bà đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ sợ cũng phải mất mấy vạn ức năm! Quý vị mới biết tốc độ của ánh sáng không lớn, quá nhỏ, chẳng có sức mạnh to như tâm lực! Do đó, tu học Phật pháp, quan trọng nhất là tu tâm, tu tâm thanh tịnh, chẳng để trong tâm có một vọng niệm tồn tại, công phu sẽ thành tựu. Hãy nên tu hành như thế nào? Thật thà niệm Phật. Thật thà là khi niệm Phật chẳng xen tạp vọng niệm; xen tạp vọng niệm là chẳng thật thà. Thật thà niệm Phật nhằm mục đích nào? Nhằm mục đích khôi phục Tánh Đức “*linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng*”, khôi phục bản năng của chính chúng ta. Mê mất bản năng, nói thật ra là si nhục to lớn! Chúng ta vốn giống hết mười phương chư Phật, có sao hiện thời biến thành nông nổi này? Các Ngài đắc đại tự tại trong hư không pháp giới, hết thấy các pháp tùy tâm sở dục (thuận theo lòng mong muốn), nay chúng ta luân hồi trong lục đạo, vẫn phải trôi lăn trong ba ác đạo, đáng thẹn thay!

Chiều nay có một pháp sư trẻ tuổi từ Đài Trung đến gặp tôi, thầy ấy hiện thời muốn làm rất nhiều chuyện, đến hỏi tôi. Thầy ấy nghe băng thâu âm rất thích học Tịnh Độ, tôi khuyên thầy ấy: “Những chuyện to nhỏ thầy hãy đều buông xuống!” Tôi hỏi thầy ấy: “Thầy có nắm chắc sanh tử hay không? Sanh tử là chuyện lớn! Chẳng nắm chắc sanh tử, làm chi được nữa? Dầu làm nhiều cách mấy, làm tốt đẹp đến mấy, sẽ là phước báo hữu lậu

trong tam giới mà thôi, những gì thầy đang tu là tu phước báo! Hiện thời trong xã hội này, chúng ta thấy lắm kẻ làm quan lớn, giàu sụ, là do đời quá khứ đã tu phước. Nếu hiện thời thầy tu học theo kiểu đó, đời sau làm quan to, giàu sụ. Do làm quan to, giàu có, lại mê, hể mê bèn tạo nghiệp. Đã tạo tội nghiệp, chết đi, tất nhiên đọa trong ba ác đạo”. Phật môn nói “*tam thế oán*” (nổi oán ba đời), [tức là] đời thứ nhất tu phước, đời thứ hai hưởng phước, đời thứ ba đọa lạc, tam thế oán đây nhé, chúng ta nhất định phải giác ngộ điều này. Cổ đức thường nói: “*Chuyện tốt chẳng bằng vô sự*”.

Nói là độ chúng sanh, nhưng chính mình vẫn chưa độ được, làm sao độ người khác cho nổi? Hôm nay, tôi bảo thầy ấy: “Thứ tự tu học của Tứ Hoàng Thệ Nguyễn đã sắp xếp rành mạch, rõ ràng, xác thực là phải có đại nguyện độ chúng sanh. Đã nguyện rồi thì phải khởi hạnh, phải thật sự tu hành. Điều thứ nhất trong tu hành là phải đoạn phiền não. Sau khi đã đoạn phiền não thì mới có thể học pháp môn”. Thầy ấy cũng muốn mở Phật học viện, lỗi lạc thay! Tôi liền bảo thầy ấy: “Cũng có rất nhiều người khuyên tôi lập Phật học viện, tôi chẳng thể làm”. Thầy ấy hỏi: “Vì sao?” Tôi đáp: “Chẳng tìm được học trò”. Thầy ấy hỏi: “Chẳng phải là học trò rất đông ư? Thừa pháp sư, khi thầy mở Phật học viện, nhất định là học trò rất đông”. Tôi bảo: “Các Phật học viện khác thu nhận các trò ấy, chứ Phật học viện của tôi không nhận những trò ấy”. Thầy ấy hỏi: “Vì sao?” [Tôi đáp]: “Phiền não chưa đoạn!” Phiền não chưa đoạn thì tu hết thấy các pháp môn, sẽ như Thanh Lương đại sư đã nói rất hay: “*Tăng trưởng tà kiến*”. Chúng ta lập Phật học viện, thành tích ở chỗ nào? Thành tích là giúp học trò tăng trưởng tà kiến, vấn đề này khá nghiêm trọng, tôi phải gánh trách nhiệm nhân quả. Vì lẽ đó, chẳng thể [lập Phật học viện].

Vì sao tôi khuyên mọi người hãy thật thà niệm kinh Vô Lượng Thọ suốt ba năm, chẳng mong cầu hiểu nghĩa? Nhằm mục đích tu tâm thanh tịnh, khiến cho cái tâm định trong ba năm. Sau khi đã định, sẽ lại học này nọ, hiệu quả hoàn toàn khác hẳn. Quý vị dùng tâm thanh tịnh để đối diện hết thấy các pháp, thừa cùng chư vị, tăng trưởng trí huệ, trí huệ mới có thể hiện tiền. Chẳng đoạn phiền não, chẳng thể có trí huệ. Những thứ học được dẫu giỏi giang cách mấy, ngay cả Nho gia cũng nói, [chỉ là] cái học do ghi nhớ, hỏi han! Nho gia chẳng nói là “tà tri, tà kiến”, chỉ nói là cái học do ghi nhớ, hỏi han, ta ghi nhớ rất nhiều, nghe rất nhiều. “*Ký vấn chi học, bất túc dĩ vi nhân sư dã*” (Học vấn do hỏi han, ghi nhớ, chẳng đáng để làm thầy người khác), chẳng thể làm thầy người khác, chẳng thể dạy người khác. Vì thế, Phật pháp yêu cầu chúng ta: Tâm địa thanh tịnh bèn

có thể sanh ra trí huệ. Nhất định phải là từ cái tâm thanh tịnh mà khai ngộ. Nhấn mạnh thể ngộ (lãnh hội, giải ngộ), không coi trọng ghi nhớ, hỏi han. Khi tôi theo học với thầy Lý tại Đài Trung, thầy Lý chẳng tán thành chuyện hỏi han, ghi nhớ, hề nghe [giảng kinh, thuyết pháp] thì phải dùng tâm để nghe. Khi đó, tôi nghe giảng kinh, ghi bút ký; thầy không bằng lòng, bảo: “*Anh ghi để làm gì? Quý ở chỗ có thể lãnh ngộ, có thể thấu hiểu, ngộ nhập, chẳng quý ở chỗ ghi nhớ những danh từ, thuật ngữ. Anh có thể lãnh ngộ, [những điều đã được nghe giảng] sẽ xác thực là những thứ của chính mình. Vì thế, dùng tâm cung kính để nghe, dùng tâm thanh tịnh để nghe, nghe kinh là nhập Định. Nghe một tiếng rười thì một tiếng rười ấy là nhập Định, tâm địa thanh tịnh, chẳng sanh một niệm. Nghe kinh như vậy dễ dàng khai ngộ, có ngộ xứ*”. Nghe hiểu cũng được, mà không hiểu cũng thế. Hiểu là có ngộ xứ; không hiểu thì chính mình ở trong Định, Định chẳng khởi tác dụng. Vì thế nói là Định lẫn Huệ đều đạt được, hai đẳng đều đạt được. Dấy vọng tưởng thì Định lẫn Huệ cùng mất, hai đẳng đều lỡ làng, biến thành giống như giảng bài trong các trường học thông thường của thế gian.

Nói cách khác, hiện thời, quá nửa người học Phật có thái độ sai lầm, họ chẳng hiểu đạo lý này, chẳng biết Phật pháp và pháp thể gian khác nhau. Nói thật ra là chẳng giống với pháp thể gian trong hiện thời, chứ so với pháp thể gian vào thời cổ thì vẫn giống nhau. Tại Trung Quốc, vào thời cổ, Nho gia và Đạo gia cũng nói tới khai ngộ, thầy dạy học coi trọng ngộ tánh của trò. Huấn luyện trò bèn tuân theo phương cách học thuộc lòng. Trẻ nhỏ đọc sách, nhất là đối với Tiểu Học trong quá khứ tại Trung Quốc, hoàn toàn là học thuộc lòng, thầy chẳng giảng sách, tức là chẳng giảng giải, cứ đốc thúc lũ trẻ sao cho chúng có thể học thuộc, bắt chúng nó liên tục đọc thuộc lòng một trăm lần hoặc hai trăm lần. Đã là học thuộc lòng, vì sao còn phải học nhiều lần như vậy? Nói thật ra là khiến cho chúng nó chẳng dấy vọng tưởng. Nếu chúng nó chẳng học thuộc sách, sẽ suy nghĩ lung tung, muôn rong chơi. Từ nhỏ đã huấn luyện chúng nó giảm bớt vọng tưởng, tận hết sức giúp chúng nó giảm thiểu, khiến cho chúng nó khỏi phức bản tánh. Trong các trước tác về Duy Thức, cư sĩ Đường Đại Viên đã nói rất cảm khái: “*Từ thời Dân Quốc trở đi, cách dạy học sai lầm, Định lẫn Huệ thấy đều chẳng có*”.

Đoạn này nói về cảnh giới Định Huệ viên mãn, Định là Huệ, Huệ là Định. Vì thế, hoàn toàn đột phá không gian và thời gian, toàn thể pháp giới biến thành một Thể, gọi là Nhất Chân pháp giới, đây là cảnh giới sở chứng của chư Phật Như Lai. Tu học Phật pháp là mong mỗi chúng ta đều

có thể đạt tới cảnh giới này, đó mới là thật sự học Phật. Chính mình học Phật có thọ dụng, chúng ta bèn giúp đỡ người khác. Giúp người khác thì quan trọng nhất là kiến lập tín tâm cho đại chúng, giúp họ có một thái độ tu học chánh xác, lại có thể cống hiến một phương pháp vô cùng tốt đẹp. Nếu họ có thể tiếp nhận, sẽ thành tựu nhanh chóng, đó là giáo học. Nhưng pháp môn này, nói thật ra là pháp khó tin nhất trong các pháp khó tin, là pháp khó tin tột bậc, nay chúng ta nói với người khác thái độ và phương pháp này, chưa chắc người ta đã tin tưởng! Vì sao họ chẳng tin? Họ thấy mỗi người đều đi theo con đường khác với những gì quý vị đã nói! Vừa mở đầu, [người khác] bèn thực hiện từ học rộng, nghe nhiều, [còn chúng ta bảo họ hãy chuyên nhất một bộ kinh, một pháp môn, huân tu dài lâu, họ sẽ bắn khoăn]: “Quý vị bảo tôi thứ gì cũng đừng xem, nguy hiểm quá! Chỉ sợ là trong tương lai điều gì tôi cũng chẳng thể thành tựu!” Vì thế, nói thật với họ, họ chẳng tin tưởng. Nói lời giả dối, liền hợp ý ngay; họ tin giả, chứ không tin thật! Bởi thế, người hiện thời khó độ lắm! Nghe lừa, chẳng nghe khuyên; nhận giả, chẳng nhận thật! Rất khó! Có thể nghe lọt tai những lẽ thật, người ấy thật sự là đại thiện căn, đại phước đức, xác thực chẳng phải là một người bình phàm. Quả thật, kẻ bình phàm hết sức khó tiếp nhận. Vì lẽ đó, ở trong cảnh giới này, đột phá thời gian và không gian, nói “đột phá thời gian và không gian” chính là chẳng còn phân biệt, chấp trước.

“Nhi thật ư thử Sa Bà thế giới chúng sanh tâm trung, kết già phu tọa, nghiêm nhiên bất động” (Thật sự ở trong tâm của chúng sanh nơi thế giới Sa Bà này, ngồi kết già, nghiêm nhiên bất động), quý vị có lãnh hội ý nghĩa này hay không? A Di Đà Phật ở trong tự tánh của chúng ta, *“ngồi kết già, nghiêm nhiên, bất động”*. Vì Tây Phương Cực Lạc thế giới do tự tánh biến hiện, nên A Di Đà Phật cũng do tự tánh biến hiện. Ngài không ở trong tâm chúng sanh thì ở nơi đâu? Tận hư không khắp pháp giới do đâu mà có? Từ trong tâm chúng sanh biến hiện. *“Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*. Tâm là Thể, thức là tác dụng. Không chỉ A Di Đà Phật là như thế, mà mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai có bao giờ chẳng phải [như vậy]? Chẳng có một vị nào là ngoại lệ!

Chư Phật, Bồ Tát là tác dụng nơi phần giác trong bản tánh của chúng ta, lục đạo phàm phu là tác dụng của phần mê trong tự tánh của chúng ta. Vì thế, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới toàn là do tự tánh biến hiện. Nếu chúng ta một niệm giác, quý vị sẽ thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới như như bất động. Phật chẳng động, có sao nay chúng ta thường động? Đức Phật ngồi kết

già, nghiêm nhiên bất động, lục đạo chúng sanh cho đến chúng sanh trong địa ngục cũng là ngồi kết già, nghiêm nhiên bất động, chẳng có ngoại lệ! Trong khi chúng ta đang mê, thấy chư Phật Như Lai đều động. Đã mê thì một động, hết thấy đều động; bất động thì hết thấy đều bất động. Bất động là nhìn từ chỗ nào? Bất động nhìn từ Tánh Đức, Tánh Đức bất động. Động là nhìn từ chỗ nào? Động là sau khi mê mất Tánh Đức, thoát nhìn dường như có động, thật ra vẫn là bất động. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật có nói: *“Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật”*. Vốn đã thành Phật là nhìn từ Tánh Đức, Tánh Đức xác thực là vốn sẵn thanh tịnh, vốn chẳng có dao động, vốn trọn đủ, có thể sanh ra vạn pháp, là thật, vốn là như thế, tuyệt đối chẳng phải là khi mê liền mất đi. Tuy mê, vẫn chẳng mất, cho nên mới gọi là bản tánh, vĩnh viễn là như vậy.

Dẫu chúng ta đọa trong ba ác đạo, bản tánh vẫn là thanh tịnh, vẫn bất động. Ba ác đạo là ngạ quỷ đạo, súc sanh đạo, địa ngục đạo, bản thể của họ (chúng sanh trong ba ác đạo) vẫn là Chân Như bản tánh. Trong ác đạo, nhất là kinh Địa Tạng nói là “chịu khổ, chịu nạn”, thấy nổi khổ to tát dường ấy thấy đều kinh hãi, rợn cả da gà, đó là chuyện như thế nào? Vọng thức, tức là vọng tâm. Vọng tâm là khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm chẳng phải là chân tâm, mà là vọng tâm! Chân tâm vốn bất động, vọng tâm động. Bất động là chân, động là vọng. Vọng thì đương nhiên có thể lìa khỏi, đương nhiên có thể trừ bỏ. Bất động là chân, đương nhiên có thể khôi phục. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói rất hay: *“Bổn Giác vốn có”*. Linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng, đó là Bổn Giác vốn có. *“Bất Giác vốn không”*. Bất giác là vọng tâm, khởi tâm động niệm vốn là không, vốn chẳng có. Vốn chẳng có, đương nhiên có thể đoạn trừ. Vốn có, đương nhiên có thể khôi phục. Mấy câu này khiến cho người học Phật chúng ta kiến lập tín tâm thật sự.

Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng về Tín, Nguyện, Hạnh, Ngài nói về Tín thì điều thứ nhất là tin vào chính mình. Điều này giúp chúng ta kiến lập tín tâm: Tin chính mình vốn đã thành Phật, tin chính mình trong một đời này quyết định có thể đoạn phiền não, quyết định có thể thành Phật đạo, chúng ta thật sự có thể buông vọng niệm xuống. Vì sao chúng ta không buông xuống được? Vì thời gian sử dụng vọng tưởng đã quá lâu, dùng đến nỗi trở thành thói quen, thói quen trở thành tự nhiên, mong buông xuống cũng chẳng thể buông xuống được! Nguyên nhân ở chỗ này. Đức Phật có phương tiện, phương tiện bậc nhất trong các phương tiện là dạy chúng ta niệm Phật. Vì thế, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn phương tiện, Niệm Phật là pháp môn bậc nhất, dùng phương pháp này có thể đoạn

sạch sành sanh vọng niệm. Dùng theo cách nào? Niệm Phật, “*ức Phật, niệm Phật, tịnh niệm tương kế*” (nhớ Phật, niệm Phật, tịnh niệm tiếp nối), tám chữ trong kinh Lăng Nghiêm! Ưc (憶) là nghĩ tưởng, hằng ngày ta nghĩ tới A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật. Pho tượng A Di Đà Phật này chúng ta tạc đích xác là trang nghiêm, nay chúng ta in ra, nhìn [hình in ra] còn trang nghiêm hơn, còn đẹp hơn tượng thật. Do vậy, có đồng tu phát tâm in thành những bức nhỏ như hình chụp để mọi người mang theo nơi thân, hễ rảnh rỗi bèn ngắm nhìn, tưởng A Di Đà Phật, đừng nghĩ tới ai khác! Nghĩ tới người khác, nghĩ tới chuyện khác, đều là tạo lực đạo luân hồi, đều là dấy vọng tưởng.

Ta nghĩ tới A Di Đà Phật, bèn niệm A Di Đà Phật, hết thấy những chuyện vương mắc trong tâm thấy đều buông xuống, thay đổi chúng, đổi thành gì vậy? Đổi thành vấn vương A Di Đà Phật. Quý vị có thể tu như vậy, thừa cùng chư vị, chẳng cần nhiều, sáu tháng bèn thành công. Tất cả vọng niệm tối thiểu có thể trừ bỏ tám mươi phần trăm, tâm quý vị sẽ thanh tịnh. Nói cách khác, quý vị niệm Phật có thể đắc công phu thành phiền, chẳng cần rất lâu, trong thời gian nửa năm bèn có thể đạt đến công phu thành phiền, ba năm là có thể đạt đến nhất tâm bất loạn. Vấn đề là quý vị chẳng chịu làm, còn khăng khăng nghĩ tưởng người này, chuyện nọ, phiền toái to đùng! Nhất định phải đề cao cảnh giác đối với điều này. Nghĩ tưởng hết thấy người, hết thấy sự, phải nhớ: Toàn là tạo lực đạo luân hồi. Từ vô thủy kiếp tới nay đã bị những chuyện ấy làm hại, bị chúng hại phải sanh tử luân hồi, vĩnh viễn chẳng thể xuất ly, [thế mà] vẫn chẳng giác ngộ, vẫn muốn làm chuyện này, sai mất rồi!

Vì thế, mọi người hãy nhất tâm nhất ý tưởng A Di Đà Phật, in hình A Di Đà Phật cho nhiều, in với số lượng lớn, thường đem theo người, lại còn có thể mang theo mấy tấm để biếu tặng người khác bất cứ lúc nào. Nếu người ta nghĩ tới quý vị, quý vị bảo họ: “Chẳng cần nhớ tới tôi, hãy tưởng A Di Đà Phật. Tưởng A Di Đà Phật thì trong tương lai chúng ta cùng đến Tây Phương, mới sẽ có thể vĩnh viễn ở cùng một chỗ!” Trừ điều này ra, muốn vĩnh viễn ở cùng một chỗ, thừa cùng chư vị, về căn bản là chẳng thể nào được! Nhất định là chẳng thể tránh khỏi sanh ly tử biệt. Sau khi đã chết, mỗi người bị nghiệp lực lôi đi luân hồi, lần sau gặp lại, đúng là vô lượng kiếp sau! Dầu có gặp mặt, cũng chẳng nhận ra. Vì lẽ đó, há có gì tốt đẹp như nghĩ tưởng Phật? Thật sự mong mỗi chúng ta đừng bị chia lìa, vĩnh viễn ở chung với nhau, thế thì mọi người hãy đều nghĩ tưởng A Di Đà Phật sẽ là đúng. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, “*ức Phật, niệm Phật*” là pháp môn bậc nhất, vì hết thấy các pháp sanh tử tâm tưởng, nghĩ

thứ gì liền biến ra thứ đó. Mấy câu dưới đây ý nghĩa hết sức viên mãn, hết sức chân thật.

(Sao) Hà nãi bội trường sanh chi quyết, uổng tự thương vong.

(鈔)何乃佩長生之訣，枉自殤亡。

(Sao: Có sao lại đeo giữ bí quyết trường sanh, mà tự oan uổng chết yểu).

Nói đến vô lượng thọ. Mỗi người chúng ta vốn là vô lượng thọ, vô lượng thọ chẳng phải là do tu được. Mỗi người chúng ta vốn có vô lượng thọ. Vốn là vô lượng thọ, nay trở thành đoản mạng, quá oan uổng! Vì sao bị đoản mạng? Do suốt ngày dấy vọng tưởng. Vọng tưởng càng nhiều, thọ mạng càng ngắn. Nói thật ra, cái thân nghiệp báo của chúng ta cũng là như thế, vọng tưởng ít, thọ mạng sẽ dài, chẳng dễ gì già suy! Cổ nhân thường nói: “*Ưu sầu khiến người ta già sớm*”. Một người thường ưu lự, sẽ lão hóa rất nhanh! Người chẳng có ưu lự, chẳng dễ gì già đi. Chúng ta bỏ sạch hết thấy ưu lự, hết thấy phiền não, hết thấy vọng niệm, hết thấy vướng mắc, vọng tưởng, chấp trước, bèn khôi phục Tánh Đức, Tánh Đức vốn là vô lượng thọ.

Nói tới thọ mạng trong thế giới Tây Phương, mọi người quyết định đừng hoài nghi. Có người nói “rốt cuộc chỉ sợ thọ mạng ấy vẫn là có hạn lượng, bất quá là rất dài mà thôi, chúng ta chẳng có cách nào tính toán”. Quý vị xem đoạn này, [đã biết] thật sự là vô lượng thọ! Chẳng giả! Hai câu này nói về trường thọ, cũng là như chúng ta nói “*bất sanh, bất diệt*”, xác thực là bất sanh, bất diệt, Pháp Thân thường trụ! Pháp, Báo, Ứng ba thân một Thể, Pháp Thân bất sanh, bất diệt, Báo Thân và Ứng Thân cũng là bất sanh, bất diệt, chẳng có ý niệm tham sống sợ chết! Tham sống sợ chết là vọng niệm, vọng tưởng; lục đạo phàm phu sống trong vọng tưởng. Đó là chuyện rất khổ.

(Sao) Phụ cảo nhật chi minh, phiên thành hắc ám.

(鈔)負杲日之明，翻成黑暗。

(Sao: Được chiếu bởi ánh sáng mặt trời rạng rỡ, mà trở thành tối tăm).

Câu này nói về quang minh. Quang minh cũng là vốn có, tâm thanh tịnh khởi tác dụng là vô lượng quang, là vô lượng trí huệ. Hiện thời chẳng có trí huệ, biến thành vô minh. “*Hắc ám*” là vô minh, nay vô lượng quang minh biến thành vô minh, biến như thế nào? Chẳng phải do người khác

biến đổi quý vị, mà do chính quý vị tự biến, vẫn là do vọng tưởng, chấp trước biến ra. Có vọng tưởng, chấp trước, vô lượng trí huệ quang minh liền mất đi, hiển hiện thành vô minh, tà kiến. Do vậy có thể biết, nếu xóa trừ vọng tưởng và chấp trước, vô minh liền biến thành quang minh, tà kiến liền biến thành trí huệ.

Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: *“Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*, trí huệ là vô lượng quang, đức tướng là vô lượng thọ, *“chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc”*. Câu này đã chỉ ra gốc bệnh của chúng ta. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, chư vị hãy suy nghĩ, trong pháp môn nhiều ngàn ấy, pháp môn nào vô cùng hữu hiệu, có thể phá tan vọng tưởng, chấp trước, pháp môn ấy sẽ là pháp môn thù thắng nhất. Qua sự thể nghiệm tu học các pháp môn, cổ đức đã đạt đến một kết luận: *“Niệm kinh không bằng niệm chú, niệm chú không bằng niệm Phật”*. Vì sao? Kinh quá dài, chú ngắn hơn kinh, nhưng vẫn dài hơn Phật hiệu. Một câu A Di Đà Phật đơn giản, dễ dàng, ức niệm thuận tiện.

Vì thế, đối với tượng Phật trang nghiêm này, tôi đề nghị các đồng tu hãy thỉnh nhiều bức về nhà, treo ở chỗ dễ thấy nơi mỗi phòng trong nhà, bất luận đi đến đâu, mắt ta đều thấy tượng Phật, thường ở cùng một chỗ với Phật, thời thời khắc khắc chẳng lìa Phật, như vậy là đúng. Thật sự làm được *“ức Phật, niệm Phật”*, thật sự làm được *“tịnh niệm tiếp nối”*, đó là chuyển vô minh thành bổn minh (cái vốn sáng suốt), chuyển tà kiến thành trí huệ, khôi phục vô lượng quang, vô lượng thọ mà chúng ta vốn có. Vô lượng quang, vô lượng thọ chẳng đến từ bên ngoài, cũng chẳng phải là do tu được. Tu được thì nói thật thà: [Cái tu được ấy] còn có thể dài hay ngắn, vẫn chưa chắc là thật! Do nó vốn trọn đủ trong Tánh Đức, nên chẳng thể nói là dài hay ngắn!

(Sao) Tâm bản thị Phật, tự muội tự tâm; Phật bản thị tâm, tự mê tự Phật.

(鈔)心本是佛，自昧自心；佛本是心，自迷自佛。

(Sao: Tâm vốn là Phật, tự mê muội tự tâm, Phật vốn là tâm, tự mê muội vị Phật của chính mình).

Hai câu này thật sự nói thấu triệt, nói tới chỗ cùng tột! Sở dĩ phạm phu biến thành phạm phu là do tự mê muội tự tâm, nên tự mê muội vị Phật của chính mình. Do đó, Phật pháp dạy chúng ta phá mê khai ngộ. Mê là tâm, cho nên phải đổ công dốc sức nơi tâm địa, chớ nên đổ công dốc sức

nơi văn tự, chớ nên đổ công dốc sức ngoài tâm. Đổ công dốc sức ngoài tâm, vĩnh viễn chẳng thể đắc lực. Nói cách khác, đổ công dốc sức ngoài tâm sẽ vĩnh viễn chẳng có liên can chi hết, cổ nhân ví von: “*Gãi ngứa ngoài giày*”, gãi chẳng được! Nhất định phải là đổ công dốc sức nơi tâm địa, cầu tâm bất muội, cầu tâm không mê. Ưc Phật, niệm Phật là tâm bất muội, không mê, trọng yếu lắm! Chúng tôi cũng học Phật chẳng ít năm. Trong tất cả các pháp môn, chúng tôi thí nghiệm, xác thực là pháp môn Niệm Phật dễ dàng đắc lực. Bởi lẽ đó, mười phương ba đời hết thấy chư Phật, Bồ Tát đề xướng pháp môn này là có lý! Nói những pháp môn khác là do cơ duyên đặc biệt mà nói. Đề xướng pháp môn Niệm Phật, có thể nói là mười phương chư Phật, Bồ Tát chẳng tiếc sức thừa, tận tâm tận lực, mạnh mẽ đề xướng, chúng ta hãy nên thấu hiểu điều này. Vô lượng thọ và vô lượng quang giảng đến đây là hết một đoạn. Lại xem phần kinh văn tiếp theo.

Nhị, đạo thành viên kiếp.

(Kinh) Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp.

二道成遠劫。

(經)舍利弗。阿彌陀佛成佛以來。於今十劫。

(Hai, thành đạo từ nhiều kiếp lâu xa.

Kinh: *Này Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật từ lúc thành Phật cho đến nay đã là mười kiếp).*

Chúng ta xem phần chú giải của Liên Trì đại sư.

(Sớ) Dĩ tri bỉ Phật đắc danh chi nghĩa.

(疏)已知彼佛得名之義。

(Sớ: Đã biết ý nghĩa vì sao đức Phật ấy có danh hiệu như thế).

Danh hiệu này có nghĩa là vô lượng; trong vô lượng, đặc biệt lấy vô lượng thọ và vô lượng quang để biểu thị. Đó là ý nghĩa được bao hàm trong danh hiệu A Di Đà Phật.

(Sớ) Vị thâm bỉ Phật thành Phật chí kim.

(疏)未審彼佛成佛至今。

(Sớ: Chưa rõ đức Phật ấy từ khi thành Phật tới nay).

Lại tiến hơn bước nữa, chẳng biết A Di Đà Phật từ lúc thành Phật cho đến hiện thời đã là bao lâu? Bọn phàm phu chúng ta vọng tưởng, phân biệt, chấp trước luôn thắc mắc.

(Sớ) Kinh kỹ hà thời.

(疏)經幾何時。

(Sớ: Đã được bao lâu).

Trải qua bao lâu?

(Sớ) Kiếp giả, cụ vân Kiếp Ba.

(疏)劫者，具云劫波。

(Sớ: Kiếp, nói đầy đủ là Kiếp Ba).

Kiếp Ba (Kalpa) là tiếng Phạn. Người Hoa thích đơn giản, thường tính lược âm cuối. Trung Quốc từ xưa tới nay, bất luận là ngôn ngữ hay văn chương, đòi hỏi phải “*giản yếu tường minh*”, tức là đơn giản, nêu lên những điểm trọng yếu, tường tận, và rõ ràng.

(Sớ) Thử vân Thời Phần.

(疏)此云時分。

(Sớ: Cõi này dịch là Thời Phần).

Ý nghĩa của Thời Phần là như hiện thời chúng ta nói “thời gian”.

(Sớ) Thập kiếp giả.

(疏)十劫者。

(Sớ: Mười kiếp).

Kiếp Ba là đơn vị thời gian, là một đơn vị số lượng rất lớn. Chúng ta nói ngày, tháng, năm, nhưng Kiếp còn lớn hơn rất nhiều. Tại Ấn Độ có đại kiếp, trung kiếp, và tiểu kiếp. Rốt cuộc [Kiếp ở đây] là đại kiếp hay tiểu kiếp, kinh văn chẳng nói rõ.

(Sớ) Nhất vân đại kiếp, nhất vân tiểu kiếp.

(疏)一云大劫，一云小劫。

(Sớ: Có thuyết nói là đại kiếp, thuyết khác là tiểu kiếp).

Có người nói là đại kiếp, cũng có người nói là tiểu kiếp.

(Sớ) Kim vị minh viễn, ưng thị đại kiếp.

(疏)今謂明遠，應是大劫。

(Sớ: Nay nói rõ là lâu xa, phải nên là đại kiếp).

Đây là ý kiến của Liên Trì đại sư, phải là đại kiếp thì mới hợp lý. Đức Phật đã thành Phật, cách hiện tại một thời gian khá xa xôi. Kiếp tính toán theo cách nào?

(Sao) Nhất đại kiếp giả, Thành, Trụ, Hoại, Không, các nhị thập tiểu kiếp, bát thập kiếp chung, phương thành đại kiếp.

(鈔)一大劫者，成住壞空各二十小劫，八十劫終，方成大劫。

(Sao: Một đại kiếp là các thời kỳ Thành, Trụ, Hoại, Không, mỗi thời kỳ là hai mươi tiểu kiếp, đã hết tám mươi [tiểu] kiếp mới thành một đại kiếp).

Một đại kiếp gồm có bốn trung kiếp là Thành, Trụ, Hoại, Không. Một trung kiếp gồm hai mươi tiểu kiếp. Một đại kiếp có tất cả tám mươi tiểu kiếp.

(Sao) Vân thập đại kiếp, thị bát bách tiểu kiếp dã. Kinh ý vị minh thành Phật cứu viễn, nhi viết tiểu kiếp vị kiến kỳ viễn.

(鈔)云十大劫，是八百小劫也。經意為明成佛久遠，而曰小劫未見其遠。

(Sao: Nói mười đại kiếp tức là tám trăm tiểu kiếp. Ý kinh nhằm nói rõ Ngài đã thành Phật lâu xa, nếu nói là tiểu kiếp thì chẳng xa xưa cho mấy).

Nếu là tiểu kiếp, A Di Đà Phật thành Phật cách hiện thời chẳng được coi là xa lắm. Nếu là đại kiếp thì khá xa.

(Sao) Kim y Đường dịch, vân thập đại kiếp.

(鈔)今依唐譯，云十大劫。

(Sao: Nay dựa theo bản dịch đời Đường, [trong ấy] nói là mười đại kiếp).

“*Đường dịch*” là bản dịch của Huyền Trang đại sư. Bản dịch của Huyền Trang đại sư là trực dịch, [tức là] chiếu theo nguyên văn mà dịch trực tiếp, khá đáng tin cậy. Ngài dịch là “mười đại kiếp”, La Thập đại sư dịch là “mười kiếp”, chẳng nói là đại kiếp hay tiểu kiếp. Liên Trì đại sư nhận định là mười đại kiếp cũng có căn cứ, vì bản dịch của Huyền Trang đại sư viết như vậy.

Một tiểu kiếp dài cỡ nào? Kinh Phật có tới mấy cách nói. Thường nói đến nhất là “tăng giảm kiếp”. Đức Phật dạy, thọ mạng của con người trong thế giới này khi dài nhất là tám vạn bốn ngàn năm. Từ tám vạn bốn ngàn năm, cứ mỗi trăm năm bèn giảm một tuổi, giảm đến mười tuổi là lúc con người có thọ mạng ngắn nhất. Lại từ mười tuổi, mỗi trăm năm tăng thêm một tuổi, lại tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi, [thời gian hết một chu kỳ] một tăng một giảm ấy là một tiểu kiếp. Khi Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, con người thọ một trăm tuổi, nhằm vào thời giảm kiếp, cứ một trăm năm giảm một tuổi. Thích Ca Mâu Ni Phật cách hiện thời ba ngàn năm, nên [thọ mạng của nhân loại đã] giảm bớt ba mươi năm. Tuổi thọ bình quân của nhân loại hiện thời là bảy mươi tuổi.

Ngoài ra, còn có mấy cách nói khác, đều hình dung [thời gian] rất dài, nhưng cũng rất khó hiểu. Trong quá khứ, trong Phật Học Giảng Tòa, thầy Lý có nói một con số, đương nhiên là thầy cũng có căn cứ. Có thể tra cứu Pháp Uyển Châu Lâm hoặc Kinh Luật Di Tướng, đó là những bộ bách khoa toàn thư trong nhà Phật. Thầy có một cách tính rất đơn giản, dựa theo cách đếm số của Trung Hoa, lấy Triệu làm đơn vị, vạn vạn là một ức, vạn ức là một Triệu¹. Một ngàn vạn vạn vạn vạn vạn vạn vạn triệu (tám chữ vạn), con số ấy mới là một A-tăng-kỳ. Chúng ta nói thành Phật theo A-tăng-kỳ kiếp, dầu là tiểu kiếp, thời gian cũng chẳng thể nghĩ bàn! Nếu tính bằng đại kiếp, thời gian càng chẳng thể nghĩ bàn, phải lớn hơn tám mươi lần. Có thể thấy thời gian tu học vô cùng lâu xa!

Tây Phương Cực Lạc thế giới thọ mạng là vô lượng kiếp, A Di Đà Phật thành Phật mới mười kiếp. Dùng vô lượng kiếp để xem mười kiếp, thật giống như người thế gian chúng ta thọ trăm tuổi, nay Ngài thành lập [cõi Cực Lạc] đã bao lâu? Đại khái chẳng hơn mười phút! Có thể nói là

¹ Xin chú ý, cách tính số đếm theo lối cổ truyền của Trung Hoa hơi khác với cách hiểu thông thường hiện thời. Vạn là mười ngàn, vạn vạn là một ức, tức là $10.000 \times 10.000 = 100.000.000$. Như vậy một ức của cổ Trung Hoa là một trăm triệu theo cách hiểu thông thường trong hệ thống tính toán Âu Tây. Triệu trong cách đếm cổ truyền của Trung Hoa là một vạn ức, tức là $10.000 \times 100.000.000 = 1.000.000.000.000$ (một triệu triệu theo cách đếm của Âu Tây).

thế giới Cực Lạc mới khai mạc chưa đầy vài bữa! Ở đây, đức Phật khuyến khích chúng ta, nay chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ là thời gian tốt nhất, vì sao? Ngài mới “khai trương” một vài ngày, nếu chúng ta vãng sanh, trong tương lai đến thế giới Cực Lạc đều mang thân phận nguyên lão. A Di Đà Phật thành Phật mười kiếp, chúng ta đã đến, cơ duyên ấy khó có. Vì thế, ngàn muôn phần đừng lỡ làng. Hễ lỡ làng, nếu đời sau lại gặp pháp môn này, chẳng biết là đã trải qua bao nhiêu kiếp! Nếu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật thành Phật đã rất nhiều kiếp, chẳng phải là mười kiếp, khác hẳn. Đoạn kế tiếp nói rất hay:

(Sớ) Hựu thập đại kiếp, diệt thị nhất kỳ phó cơ chi thuyết. Cứu cực nhị ngôn, thành Phật dĩ lai, diệt ưng vô lượng, như Pháp Hoa trung thuyết.

(疏)又十大劫，亦是一期赴機之說。究極而言，成佛以來，亦應無量，如法華中說。

(Sớ: Lại nữa, “mười đại kiếp” cũng là nói theo một khoảng thời gian của sự cảm ứng thuận theo căn cơ. Nói đến mức rốt ráo, cũng phải là vô lượng, như trong kinh Pháp Hoa đã nói).

“Nhất kỳ chi thuyết” là chuyện như thế nào? Ví như hiện thời nhà trường mỗi năm đều phải chiêu sinh, hằng năm đều có học trò tốt nghiệp, đó là từng khóa một. “Nhất kỳ” nói đúng ra là từng khóa một, chẳng phải là nói kể từ khi trường học được thành lập tới nay. Nếu xét theo Tây Phương Cực Lạc thế giới từ khởi đầu cho tới nay, thế giới ấy lâu xa, đó là vô lượng vô lượng kiếp. A Di Đà Phật thành Phật tới nay “*ư kim thập kiếp*”, đó là nói theo kiếp hiện tiền. Trong quá khứ vô lượng kiếp, trong tương lai vẫn là vô lượng kiếp, nói theo giai đoạn trước mắt là mười kiếp. Thời gian ấy chẳng dài, kinh Pháp Hoa có chứng cứ.

(Sao) Như Pháp Hoa trung, chúng nghi Thế Tôn thành Phật vị cứu, vân hà khoáng kiếp Bồ Tát thị sở giáo hóa.

(鈔)如法華中，眾疑世尊成佛未久，云何曠劫菩薩是所教化。

(Sao: Như trong kinh Pháp Hoa, đại chúng nghi Thế Tôn thành Phật chưa bao lâu như thế, làm sao Ngài có thể giáo hóa hàng Bồ Tát trong nhiều kiếp lâu xa?)

Trong hội Pháp Hoa, có kẻ hoài nghi: Có rất nhiều Bồ Tát hoặc Đại Bồ Tát từ mười phương thế giới hiện đến, đều là học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật chưa bao lâu, Ngài thị hiện thành đạo lúc ba mươi tuổi, thuyết pháp bốn mươi chín năm, thành Phật không lâu, vì sao hàng đại Bồ Tát nhiều dường ấy đều là học trò của Ngài? Khi đó, đức Phật mới nêu bày lời thật.

(Sao) Phật ngôn: “Ngã thật thành Phật dĩ lai, vô lượng vô biên kiếp”.

(鈔)佛言：我實成佛以來，無量無邊劫。

(Sao: Đức Phật nói: “Kể từ khi ta thật sự thành Phật đến nay, đã là vô lượng vô biên kiếp”).

Điều này được nói trong phẩm Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng đã thành Phật từ kiếp xa xôi, đây là thị hiện mà thôi!

(Sao) Tắc A Di Đà Phật, kỳ khả lượng hồ?

(鈔)則阿彌陀佛，其可量乎。

(Sao: Như vậy thì [thọ mạng của] A Di Đà Phật có thể tính lường được sao?)

Do vậy có thể biết, lẽ nào A Di Đà Phật chẳng phải là đã thành Phật từ nhiều kiếp lâu xa, nay Ngài ngự trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là một lần thị hiện; vì thế, có ý nghĩa tương đồng. Thọ mạng xác thực là vô lượng vô biên. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.